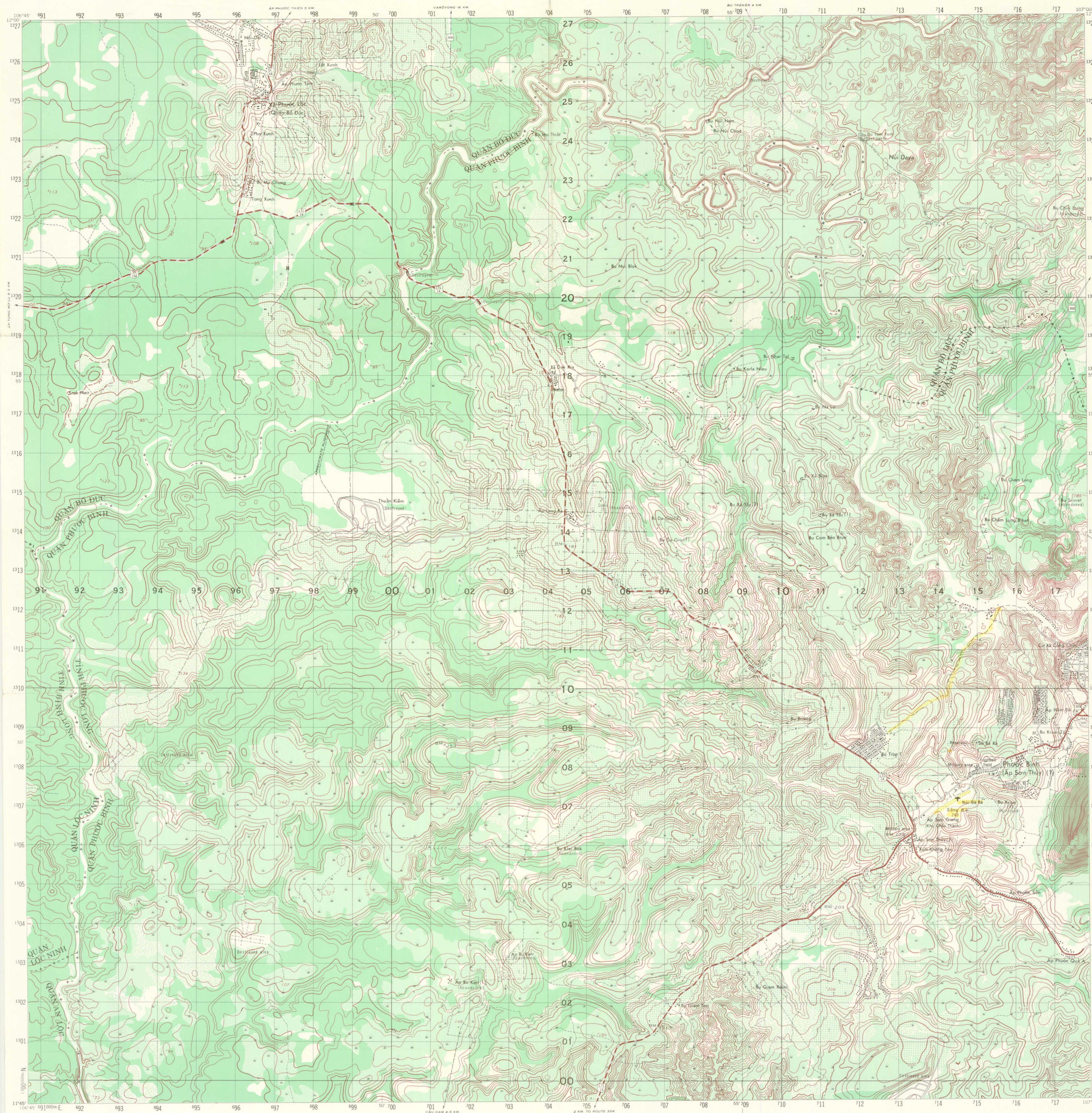




LEGEND - CHÚ THÍCH
MAP INFORMATION AS OF 1968
BẢN ĐỒ TIN TỨC NĂM 1968

On this map a LANE is considered as being a minimum of 7.6 m. (25 feet) in width. *Trên bản đồ này một LANE chỉ được coi là rộng từ 2,4 mét*

Dense forest or jungle indicates more than 25 percent of ground is covered by canopy with undergrowth generally impassable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is covered by canopy with undergrowth generally passable on foot. Vegetation classified by office identification from aerial photography.

Rừng rậm hay rừng già chỉ rằng cây bụi rậm 25% là thành rừng cây bụi và phủ dưới rừng không thể đi qua được. Rừng thưa chỉ rằng cây bụi phủ dưới rừng chỉ là cây bụi và phủ dưới rừng có thể đi qua được. Thảm thực vật khác loại khác nhau khác.

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

ROADS - ĐƯỜNG SÁ
All weather, hard surface, two or more lanes wide
Đường trường, cứng, hai hay ba làn xe đi
All weather, loose or light surface, two or more lanes wide
Đường cứng, bề mặt đất hay bằng mịn, có một hoặc hai làn xe đi
All weather, hard surface, one lane wide
Đường trường, cứng, có một làn xe đi
All weather, loose or light surface, one lane wide
Đường cứng bề mặt đất hay bằng mịn, có một làn xe đi
Fair or dry weather, loose surface - one lane wide
Cao tốc - Đường bề mặt đất hay bằng mịn
Footpaths, trail - one lane wide
Đường mòn, đường mòn

ROUTE MARKERS - DẤU HIỆU ĐƯỜNG SÁ
National, International
Quốc gia, Liên lạc
Provincial, Communal or other
Tỉnh, Huyện, Xã, Khác

RAILROADS - ĐƯỜNG RẮN
Normal gauge, single track, 1 meter (3'3") wide, Station
Đường trường, đơn, một đường, rộng 1 mét Ga, Trạm
Normal gauge, double track
Đường trường, đôi, hai đường
Narrow gauge, single track
Đường trường hẹp, một đường
All-weather, Seasonal
Mùa mưa, Đường quanh năm, Đường mùa

Bridges
Wood - Cầu gỗ
Steel - Cầu thép
Concrete - Cầu bê tông
Footbridge - Cầu đi bộ
Ferry - Phà
Ferry - Cầu đi bộ
Road on trestle - Đường đắp
Levee, Wall - Bờ đất, Tường
Canal or ditch, Less than 18 meters wide, Over 18 meters wide
Kênh hay mương, Ditch, Rãnh dưới 18 mét, Rãnh trên 18 mét

Build-up area - Thôn thị
Village - Làng
Church, Christian shrine, School
Nhà thờ, Chùa, Trường học
Temple, Pagoda, Moslem pagoda
Đền, miếu, Chùa, Am
Post office, Telegraph, Telephone
Phòng bưu, Điện tín, Điện thoại
Cemetery - Nghĩa địa
Fort, Ruins - Đồn, Tàn tích
Horizontal contour point
Điểm độ cao
Spot elevation in meters
Điểm cao độ
Checked Unchecked
Đã kiểm tra Chưa kiểm tra

Plantation, Tea
Đồn, Trại
Rice Swamp
Đầm lầy, Rừng lầy
Land subject to inundation
Đất có thể bị ngập
Nga, Mangrove
Đầm lầy, Cỏ biển
Bamboo
Cây tre
Pine
Cây thông

Province office, Delegation office
Trip xã hành chính Tỉnh, Trip xã hành chính Quận
Task, Well, Spring
Bể nước, Cốc, Ngọn
Coffee, Rubber
Cà phê, Cao su
Masonry dam, Letham dam
Đập bê tông, Đập đất
Lake or pond, Personal, Intermittent
Hồ hay ao, Cá nước quanh năm, Tầng mùa

Contours
Spheroid
Grid
Projection
Vertical Datum
Horizontal Datum

CREDITS
PREPARED BY 29TH ENGR BN, US ARMY, 1968
COMPILED BY PHOTOREVISION OF LIAISON MAPS
NAMES DATA BY NG, VIETNAM
CONTROL BY USAMSG, NG, VIETNAM
PRINTED BY 29TH ENGR BN, (BT) 12-68

USERS SHOULD REFER CORRECTIONS, ADDITIONS AND COMMENTS FOR IMPROVING THIS PRODUCT TO DIRECTOR, DEPARTMENT OF TOPOGRAPHIC ENGINEERING, WASHINGTON, DC 20315, ATTN: PTO

GRID CONVERGENCE
FOR CENTER OF SHEET
HỘI TẬP ĐƯỜNG HẸP Ở VÙNG
TỈNH Ở TRUNG TÂM BẢN ĐỒ
02°3' 0" N
072°3' 0" E

GLASSARY - CÂU TỬ
village
lake, pond, swamp
village
village
bridge
stream
mountain
stream
mountain
village
village
village

BOUNDARIES
BOUNDARY LINE
BOUNDARY LINE
BOUNDARY LINE

STOCK NO. L701463321